TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/3/2025
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị T**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn S**
Ông **Nguyễn Tuấn N**

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà **Nguyễn Thị Quỳnh T-** Thư ký TAND quận N, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thuỳ T**- Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Nhất Nhật T**- Sinh năm: 198x – Địa chỉ: 18/4 D 3, xã T 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Bà **Mai Lệ T**- Sinh năm: 199x- Địa chỉ: 117 T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Nguyễn Nhất Nhật T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã G 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, ông bà sống tại 18/4 D 3, xã T 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được 01 năm đầu sau khi kết hôn, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tính vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà T không lo lắng quan tâm đến gia đình mà có biểu hiện không chung thủy. Nhiều lần ông cũng cố gắng chịu đựng và khuyên bảo bà T nhưng tính tình bà T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Ông và bà T đã sống ly thân với nhau từ lâu, không ai quan tâm đến ai, bà T cũng không liên lạc về với gia đình và cũng không có trách nhiệm với con cái.

Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Mai Lệ T.

- Về con chung: Vợ chồng ông T bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/02/201x. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông làm nghề làm rẫy thu nhập ổn định nên ông đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn – bà Mai Lệ T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn bà hoàn toàn thống nhất với trình bày của ông T. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm và tính tình không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng ông bà đã sống ly thân được một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bà T, bà xác định về tình cảm không còn thương yêu ông T nữa nên bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng ông T bà T có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/02/201x. Khi ly hôn bà T đồng ý giao con cho ông T được trực tiếp nuôi con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị xử cho ông Nguyễn Nhất Nhật T được ly hôn đối với bà Mai Lệ T.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/02/2011 cho ông Nguyễn Nhất Nhật T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà Mai Lệ T không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Nguyễn Nhất Nhật T nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn- ông Nguyễn Nhất Nhật T và bị đơn- bà Mai Lệ T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228, điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] **Về nội dung:** Ông Nguyễn Nhất Nhật T và bà Mai Lệ T đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã G 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số: 122, cấp ngày 02/12/2010. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống chung tại 18/4 D 3, xã T 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được 01 năm đầu sau khi kết hôn, sau đó xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tính vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Bà T không lo lắng quan tâm đến gia đình mà có biểu hiện không chung thủy. Nhiều lần ông cũng cố gắng chịu đựng và khuyên bảo bà T nhưng tính tình bà T không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Ông T và bà T đã sống ly thân với nhau từ lâu, không ai quan tâm đến ai, bà T cũng không liên lạc về với gia đình và cũng không có trách nhiệm với con cái. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Mai Lệ T. Về phía bị đơn- bà T cũng xác định về tình cảm không còn thương yêu ông T nữa nên đồng ý ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Nhất Nhật T đối với bà Mai Lệ T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung**: Ông Nguyễn Nhất Nhật T và bà Mai Lệ T xác định có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/02/201x. Ly hôn, cả ông Nguyễn Nhất Nhật T và bà Mai Lệ T đều thống nhất giao con chung cho ông Nguyễn Nhất Nhật T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; bà Mai Lệ T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con,

đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện con chung đang ở với ông T, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Do đó, cần giao con chung cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng để con ổn định cuộc sống và môi trường học tập là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Do ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Nhất Nhật T và bà Mai Lệ T xác định không có, nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: Ông Nguyễn Nhất Nhật T và bà Mai Lệ T xác định vợ chồng không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Nhất Nhật T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* " của ông Nguyễn Nhất Nhật T đối với bà Mai Lệ T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Nhất Nhật T được ly hôn đối với bà Mai Lệ T.

(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Nhất Nhật T đối với bà Mai Lệ T nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 12x do xã G 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/12/2010 không còn giá trị pháp lý).

2. Về quan hệ con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Nhật H, sinh ngày 25/02/201x cho ông Nguyễn Nhất Nhật T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, bà Mai Lệ T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Nhất Nhật T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Nhất Nhật T đã nộp tại biên lai thu số 8294 ngày 31/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày

tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận N;*
- *Chi cục THADS quận N;*
- *UBND G 1, huyện T, tỉnh Đồng Nai;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị T